TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 5 – 2025
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thành Trung và bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trương Thị P, sinh năm 1976;

2. Bị đơn: ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị P và ông Huỳnh Văn Q tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 21/11/2000. Sau khi kết hơn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc; thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng; bất đồng quan điểm về công việc và về sinh hoạt hàng ngày trong gia đình; vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng vẫn không thay đổi; đến tháng 01/2025, bà P cùng người con chung chưa thành niên chuyển ra ngoài sinh sống và vợ

chồng không còn sống chung cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, bà P không còn yêu thương ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà P và ông Q có 03 người con chung tên Huỳnh Văn N, sinh năm 2001; Huỳnh Ngọc S, sinh năm 2003 và Huỳnh Ngọc H, sinh năm 2011. 02 người con chung tên Huỳnh Văn N, Huỳnh Ngọc S đã thành niên và có khả năng lao động nên bà P không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Người con chung tên Huỳnh Ngọc H sống với bà P từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay; bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Bà P làm nông và làm thêm công việc mua bán rau củ tại nhà; công việc và thu nhập ổn định; bà P cũng có nơi ở ổn định nên có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc H được phát triển tốt.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết.

[2]. Theo lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn Q và bà Trương Thị P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T vào năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong công việc và trong sinh hoạt hàng ngày; tuy nhiên mâu thuẫn không nghiêm trọng, vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường. Đến tháng 01/2025, bà P cùng người con chung chuyển ra ngoài sinh sống và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay; mặc dù vợ chồng có gặp nhau nhưng vẫn thường xuyên bất đồng qua điểm và cải nhau. Hiện nay ông Q không đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông Q và bà P có 03 người con chung như bà P đã trình bày nêu trên. 02 người con chung tên Huỳnh Văn N, Huỳnh Ngọc S đã thành niên và có khả năng lao động nên ông Q không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Ông Q đồng ý giao cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Huỳnh Ngọc H cho đến khi thành niên và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 Trích lục kết hôn (Bản sao) số 29/2000/TLKH-BS, ngày 04/4/2019; 01 trích lục khai sinh (Bản sao) số 174/TLKS-BS, ngày 05/10/2017; 01 Trích lục khai sinh (Bản sao) số 14/TLKS-BS, ngày 05/10/2017 và 01 Giấy khai sinh (Bản sao) số 66/2011, ngày 05/8/2014 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh ở địa phương thôn A, xã Đ, huyện T về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà P, ông Q và lập Biên bản xác minh ngày 10/4/2025.

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị P; xử cho bà Trương Thị P được ly hôn với ông Huỳnh Văn Q; giao cho bà Trương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 28/4/2011 cho đến khi thành niên; buộc bà Trương Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị P, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị P, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Trích lục kết hôn (Bản sao) số 29/2000/TLKH-BS, ngày 04/4/2019, của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận mà nguyên đơn bà Trương Thị P đã cung cấp và căn cứ lời khai phù hợp của các đương sự; có đủ cơ sở xác định: bà Trương Thị P, ông Huỳnh Văn Q tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông Q là hợp pháp. Vì

vậy, bà P có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự đều thừa nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày; dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và cũng đã không còn sống chung từ tháng 01/2025 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2025 (Bút lục số 23), địa phương thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận đã cung cấp thông tin: Vợ chồng bà P, ông Q có phát sinh mâu thuẫn và chung sống không hòa thuận; từ đó bà P chuyển ra ngoài sinh sống và vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà P cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ, còn ông Q vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được; điều này cho thấy bà P, ông Q đều không có nguyện vọng đoàn tụ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Vợ chồng bà P, ông Q đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Theo đó cần xử cho bà P được ly hôn với ông Q.

[3.2]. Đối với yêu cầu giải quyết nuôi con của nguyên đơn bà Trương Thị P, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Trích lục khai sinh (Bản sao) số 174/TLKS-BS, ngày 05/10/2017; Trích lục khai sinh (Bản sao) số 14/TLKS-BS, ngày 05/10/2017 và Giấy khai sinh (Bản sao) số 66/2011, ngày 05/8/2014, của Ủy ban nhân dân xã Đ mà nguyên đơn bà Trương Thị P đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của các đương sự; có đủ cơ sở xác định được: nguyên đơn bà P và bị đơn ông Q có 03 người con chung tên Huỳnh Văn N, sinh năm 2001; Huỳnh Ngọc S, sinh năm 2003 và Huỳnh Ngọc H, sinh năm 2011.

Hai người con chung tên Huỳnh Văn N, Huỳnh Ngọc S hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động; các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

Căn cứ thông tin địa phương thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận cung cấp tại Biên bản xác minh ngày 10/4/2025 và căn cứ lời khai phù hợp của các đương sự; có đủ cơ sở xác định được: Người con chung tên Huỳnh Ngọc H đã chung sống với bà P từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cho đến nay; đã quen thuộc với nề nếp, sinh hoạt, môi trường sống, môi trường giáo dục và cuộc sống với bà P. Người con chung tên Huỳnh Ngọc H cũng có nguyện vọng được sống với bà P. Hơn nữa các đương sự đều thống nhất giao cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc H cho đến khi thành niên. Do đó yêu cầu của bà P về việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Theo đó, cần xử

giao cho bà P có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 28/4/2011 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4]. Về án phí:

Cần căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử buộc bà Trương Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị P:

Về việc ly hôn: bà Trương Thị P được ly hôn với ông Huỳnh Văn Q.

Về việc nuôi con: Giao cho bà Trương Thị P có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 28/4/2011 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Huỳnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: buộc bà Trương Thị P có nghĩa vụ chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006493, ngày 13 tháng 01 năm 2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, bà Trương Thị P đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm công khai. Các đương sự đều được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Kho (Thay thông báo);
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh